

CHIẾC LƯỢC NGÀ

Vào một đêm trời sáng trăng suông, trong một ngôi nhà nhỏ, giữa Thập Mươi mà xung quanh nước đã lên đầy, nói cho đúng đây là cái trạm của đường dây giao thông, nhà nhỏ nhưng người lại đông. Chưa đến chuyển đi, chúng tôi còn phải đợi. Ban ngày, chúng tôi chẳng biết đi đâu, hết nằm lại ngời, có lúc thấy cuồng chân, thật tù túng, nhưng lại có cái thú bù lại là thọc cần câu ra khỏi nhà để câu cá. Ngày câu cá đã đủ ăn rồi, đêm không ai muốn câu nữa. Trong lúc nhàn rỗi ấy, chúng tôi thường hay kể chuyện. Và tôi nghe câu chuyện này của một đồng chí già kể lại. Ông vốn là người hay kể chuyện - nhiều nhất là chuyện tiểu lâm, có cả tiểu lâm kháng chiến nữa, chuyện nào cũng làm cho chúng tôi cười lăn, cười bò. Trước khi kể, bao giờ ông cũng cười mỉm, mặt trở nên hóm hỉnh, đúng là ông lão có duyên già. Nhưng hôm ấy, ông đâm ra khác thường. Ông già kể nhưng vẫn ngời im, đầu hơi cúi xuống, trầm lặng, mặt ngược nhìn ra mênh mông. Chắc là một chuyện cảm động, chúng tôi đoán như vậy và không đùa nữa. Bên ngoài, một cơn gió ồ thổi tới. Cái trạm này — một ngôi nhà cất chen vào giữa một chòm cây giữa khu rừng trầm thưa, mỗi khi có một cơn gió, sóng nổi nhau đập vào tàn cây, nhà lại rung lên và lắc lư như một con thuyền đang chơi vơi giữa biển. Sóng đập đều đều vào các chòm cây. Đàn cò đứng ngủ không yên, một vài con vỗ cánh bay chập chới. Sóng gió như nhắc nhở ông điều gì, ông nghiêng tai lắng nghe. Khi cơn gió thổi qua, mặt nước trở lại yên lặng, ông mới ngẩng lên và nói. Ông nói với chúng tôi mà như nói với cả trời nước vậy, ông không nhìn vào chúng tôi mà nhìn ra biển nước, chân trời và các vì sao.

- Chuyện xảy ra cách đây đã hơn một năm rồi, mà mỗi lần nhớ lại, tôi cứ bàng hoàng như vừa thấy một giấc mơ - ông mở đầu với giọng trầm đục: - Hôm đó, tôi đi từ trạm N. G. đến L. A. Khi chiếc xuồng máy đuôi tôm vừa xô ra bến thì chúng tôi ai cũng muốn biết người lái ấy là ai. Không phải tò mò mà cần phải biết. Bởi vì trước khi đi, người trạm trưởng có báo cáo với chúng tôi đó là một đoạn đường dài, một đoạn đi xuống máy, một đoạn đi bộ, đi xuống dễ gặp trục trặc soi, anh em phải bình tĩnh, không được nhón nháo, không được tự động mà phải tuyệt đối tuân theo sự điều khiển của người lái. Nói như vậy có nghĩa là sinh mạng mình phải hoàn toàn phó thác cho người cầm lái ấy, có phải không các bạn? Cho nên, tôi cần nhìn, cần biết rõ người đang cầm giữ sinh mạng mình. Nhưng trời đã tối rồi, tôi chỉ thấy đó là một cô gái người mảnh khảnh, vai mang cây "cạc- bin" bá xếp của Mỹ, đầu chít khăn, dáng điệu gọn gàng.

Trước đó, tôi có được nghe tiếng đồn trạm này có một cô giao liên rất thông minh. Một hôm, cô dẫn một đoàn khách sắp sửa qua sông, cô để khách dừng lại ngoài ruộng xa. Cô và một anh giao liên nữa tiến trước dọn đường. Đến vườn cây bờ sông, cô thấy mình đã lọt vào ổ phục kích của địch. Nhưng cô không bối rối. Cô vừa gọi người bạn của mình vừa nói, cô cố ý nói lớn cho bọn địch nghe: "Tình hình yên, không có gì, anh trở lại dẫn khách đi, còn tôi sang sông lái xuồng đem qua". Trong câu nói ấy có ám hiệu. Anh giao liên liền quay lại, êm ái đưa khách bọc qua ngả khác, vượt sông cách đó độ một vài cây số. Còn cô ta, trước khi qua sông cô còn gài lại hai trái lựu đạn. Cô qua sông, thế là thoát. Còn đám biệt kích kia, bọn nó tưởng thật, định hốt cả một đoàn khách, nên chẳng dám rục rịch, mà cứ chờ. Chờ mãi, bọn nó biết, nó chửi rủa nhau, trong lúc lục tục kéo về lối quờ thế nào lại vấp cả hai quả lựu đạn gài, rụng hết mấy mạng. Qua chuyện đó, người ta thêm thất rằng cô giao liên ấy có cái mũi rất thính, cô dùng mũi để nghe mùi địch và có thể phân biệt được thằng nào là Mỹ, thằng nào là Ngụy nữa.

Tôi nghĩ, nếu người nữ giao liên ấy là cô đang lái chiếc xuồng máy này thì mình không đến nỗi lo lắng. Tôi muốn hỏi nhưng thấy không tiện nên đành phải nói khéo:

- Ở trạm này có mấy cháu nữ vậy hở chú?

- Dạ một chị là chị nuôi với cháu nữa là hai.

Vậy là cô nữ giao liên này rồi, tôi cảm thấy mừng. Nghe giọng cô nói, tôi đoán cô bé độ mười tám hai mươi là cùng. Tôi cảm thấy mến, muốn hỏi thêm nhưng thấy cô đang lom khom quần dây vào bánh trón nên lại thôi. Quần dây vào bánh trón xong, cô đứng thẳng người, quay lại nói với xuồng sau :

- Tôi đi trước nhé !

Mấy anh giao liên xuống sau nhao lên :

- Thôi chị Hai đi trước đi.

- Chị út đi mạnh giỏi nhá ! Người gọi chị Hai, người gọi chị út, chẳng biết cô thật thứ mấy.

Cô đáp lại mấy câu láu lỉnh, gọi mấy chú giao liên là em rồi quay lại chúng tôi, hạ giọng hết sức lễ phép :

- Các bác, các chú, các anh có gì quan trọng nên để trong túi áo, hoặc để trong một cái gói riêng. Lỡ gặp trục trặc bắn hoặc gặp biệt kích thì đồ quý không bị mất, bị cháy.

Cô báo cho chúng tôi những điều không may có thể xảy ra nhưng giọng nói lại dịu dàng - dễ thương nữa - khác hẳn với giọng nói căng thẳng của ông trạm trưởng, nên tôi thấy không lo lắm. Nói xong, cô khom lưng, giật máy. Xuống rung lên theo tiếng máy nổ giòn, từ từ tách ra khỏi vòm cây rậm, rồi rào rào lướt tới. Gió thổi mát cả người, mát đến từng chân tóc. Nghe cô dặn, anh em khách lúi húi mở bong. Còn tôi, tôi có cái gì quý ngoài giấy tờ, tiền ăn đường đã để sẵn trong túi? Tôi chợt nhớ đến cây lược nhỏ. Tôi liền mở bong, mò lấy cây lược, cho vào túi nhái đựng giấy tờ, bỏ vào túi ngực, rồi cài kim tây lại thật cẩn thận.

Các bạn ! Mỗi lần nhìn thấy cây lược ngà nhỏ ấy là mỗi lần tôi băn khoăn và ngậm ngùi. Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ, tôi bị xúc động như lần ấy. Trong những ngày hoà bình vừa lập lại, tôi cùng về thăm quê với một người bạn. Nhà chúng tôi ở cạnh nhau gần vàm kinh nhỏ đổ ra sông Cửu Long. Chúng tôi cùng thoát ly đi kháng chiến, đầu năm 1946, sau khi tỉnh nhà bị chiếm. Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh - và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi. Anh thứ sáu và cũng tên Sáu. Suốt mấy năm kháng chiến, chị Sáu có đến thăm anh mấy lần. Lần nào anh cũng bảo chị đưa con đến. Nhưng cái cảnh đi thăm chồng ở chiến trường miền Đông không đơn giản. Chị không dám đưa con qua rừng. Nghe chị nói có lý anh không trách được. Anh chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi. Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh. Xuống vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuống cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra, khiến tôi bị chói với. Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to:

- Thu ! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ cô. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết sẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ. Với vẻ xúc động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chậm chậm bước tới, giọng lắp bắp run run :

- Ba đây con !

- Ba đây con !

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: " Má! Má". Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, rồi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương, và hai tay buông xuống như bị gãy.

Vì đường xa, chúng tôi ở nhà được có ba ngày. Trong ba ngày ngắn ngủi đó, con bé không kịp nhận ra anh là cha. Đêm nó không cho anh ngủ với chị. Con bé tính khí thật không vừa, nó tuột xuống giường, đứng dưới đất chồm lên, nắm tay anh kéo ra. Kéo không được, nó kê miệng cắn. Cho đến ngày đi, tay anh vẫn còn hằn sâu những dấu răng của con. Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về, con bé càng đẩy ra. Anh mong được nghe một tiếng "ba" của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại:

- Thì má cứ kêu đi.

Mẹ nó đâm nổi giận, quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trống:

- Vô ăn cơm!

Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi "ba vô ăn cơm". Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:

- Cơm chín rồi! - Anh cũng không quay lại. Con bé bực quá, quay lại mẹ và bảo:

- Con kêu rồi mà người ta không nghe.

Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi. Bữa sau, đang nấu cơm thì mẹ nó chạy đi mua thức ăn. Mẹ nó dặn, ở nhà có gì cần thì gọi ba giúp cho. Nó không nói không rằng, cứ lúi cuội dưới bếp. Nghe nồi cơm sôi, nó giở nắp, lấy đũa bếp sơ qua - nồi cơm hơi to, nhắm không thể nhấc xuống để chất nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu. Tội nghĩ thâm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên:

- Cơm sôi rồi, chất nước giùm cái! - Nó cũng lại nói trống:

Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

- Cháu phải gọi: "Ba chất nước giùm con", phải nói như vậy.

Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:

- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!

Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi dọa nó:

- Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cháu cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu nói một tiếng "ba" không được sao?

Lúc đó nồi cơm sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống, vẻ nghĩ ngợi, nhấc không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng cơm sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn khóc. Nó nhìn nồi cơm, rồi lại nhìn lên chúng tôi. Thấy nó lúng lúng tôi vừa tội nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào cũng chịu thua. Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá múc ra từng vá nước, miệng lầm bầm điều gì không rõ - Con bé đáo để thật.

Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một miếng trứng cá to vàng để vào cái chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bắt thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?

Tôi tưởng con bé lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không. Nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào nó cầm đũa, gấp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuống, mở lời tới(1)cố làm cho dây lòi tới khua rồn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, mệt với ngoại và khóc ở bên ấy - chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về. Ngày mai anh Sáu phải đi, đó là đêm cuối cùng của hai anh chị, chị cũng không muốn bắt nó về.

Sáng hôm sau, bà con bên nội, bên ngoại đến rất đông- Cả con bé cũng theo ngoại nó về. Anh Sáu phải lo tiếp khách, anh như không chú ý đến con nữa. Còn chị Sáu thì lo chuẩn bị đồ đạc cho chồng, chị lo xếp từng chiếc áo, gói ghém đồ đạc vụn vặt vào cái túi nhỏ, chị cứ lúi húi bên chiếc ba lô. Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không buồn bực hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mi dài uốn cong, và như không bao giờ

chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngờ ngác, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.

Đến lúc chia tay, mang ba lô trên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trệu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi! Ba đi nghe con! - Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba... a... a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan của mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng " Ba " mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng " Ba " như vỡ tung ra từ lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên - nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

Trong lúc đó, ngoại nó cho tôi biết, đêm qua, bà đã tìm hiểu được vì sao nó không chịu nhận ba nó. Bà hỏi :

- Ba con, sao con không nhận ?

- Không phải - đang nằm mà nó cũng giẫy lên.

- Sao con biết là không phải ? Ba con đi lâu, con quên rồi chứ gì!

- Ba không giống cái hình ba chụp với má.

- Sao không giống, đi lâu, ba con già hơn trước thôi.

- Cũng không phải già, mặt ba con không có cái thẹo trên mặt như vậy.

à ra vậy, bây giờ bà mới biết. Té ra nó không nhận ba nó vì là cái vết thẹo, và bà nó cho biết, ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương - bà nhắc lại tội ác mấy thằng Tây ở đồn đầu vàm cho nó nhớ. Nghe bà kể nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn. Sáng hôm sau, nó lại bảo ngoại đưa nó về. Nó vừa nhận ra thì ba nó đã đến lúc phải đi rồi.

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con :

- Ba đi rồi ba về với con.

- Không! - Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi. Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ, muốn bảo anh ở lại vài hôm. Nhưng thật khó, chúng tôi chưa biết mình sẽ đi tập kết hay ở lại. Chúng tôi cần về đúng ngày, nhận lệnh để kịp chuẩn bị. Thế là đã đến lúc phải đi rồi, mọi người phải xúm lại vỗ về nó, mẹ nó bảo :

- Thu! Để ba con đi. Thống nhất rồi ba con về.

Bà ngoại nó vừa vuốt tóc nó vừa dỗ :

- Cháu của ngoại giỏi lắm mà! Cháu để ba cháu đi rồi ba sẽ mua về cho cháu một cây lược.

Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và meo meo:

- Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba! - Nó nói trong tiếng nấc, vừa nói vừa từ từ tuột xuống.

Sau đó hai chúng tôi trở lại miền Đông. Chúng tôi là cán bộ đoàn thể, chúng tôi không đi tập kết. Từ năm năm mươi tư đến năm mươi tám, năm mươi chín và những năm khó khăn, các bạn đã biết rồi. Về công việc và đời sống ở rừng, tôi có thể kể cho đến sáng, có đêm bị biệt kích vây bắt, nhưng thôi, đó là chuyện khác. Tôi xin trở lại mối tình cha con của bạn tôi. Những đêm rừng, nằm trên võng, mắt chỉ thấy tấm ny lông nóc, lúc nhớ con, anh cứ ân hận sao mình lại đánh con. Nỗi khổ tâm đó cứ giày vò anh - một hôm hai đứa đang rì rầm kể, anh bỗng ngồi bật dậy:

- Phải rồi ! Ở rừng này, người ta thỉnh thoảng có bắn voi, mình phải làm một cây lược bằng ngà cho con bé mới được.

Và anh ao ước có một khúc ngà, một khúc ngà voi. Thật may mắn, sau đó không lâu, vì thiếu thức ăn, anh em nghĩ đến chuyện đi săn, đi săn bằng tên thuốc chó không phải bằng súng. Lúc đó rừng hầy còn phải giữ im lặng. Thật ra thì anh em không đi săn voi, nhưng tình cờ lại gặp nó. Anh em định thả nó, nhưng anh Sáu quyết định bắn.

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ny lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hốt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mỹ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc ngà thành từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẩn khắc từng nét : "Yêu nhớ tặng Thu, con của ba". Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi cài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám, năm đó ta chưa võ trang - trong một trận càn lớn của quân Mỹ- ngụy, anh Sáu bị hy sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mỹ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

Các bạn ạ ! Trong những ngày đen tối ấy, người sống phải sống bí mật thì cũng đã đành một lẽ, còn người chết cũng phải chết bí mật nữa. Mộ của anh không thể đắp cao lên được, - tìm thấy mồ mả, chúng sẽ đào

lên và tìm ra dấu vết, - cho nên ngôi mộ của anh là ngôi mộ bằng, bằng phẳng như mặt rừng vậy. Tôi lấy dao khắc vào một gốc cây rừng cạnh chỗ anh nằm làm dấu cho dễ nhớ.

Sống như thế và chết như thế, hỏi vậy làm sao mà chịu được? Chúng ta buộc phải cầm súng.

Sau khi có căn cứ khá an toàn, người nhà tôi có đến thăm. Tôi định gọi cây lược ngà về cho cháu Thu. Nhưng chị Sáu và cháu Thu không còn ở làng nữa. Qua những lần tố cộng, những trận càn, những trận đốt làng dồn dân của bọn Mỹ, không có mấy năm mà làng nước tan tác đi nhiều lắm. Mỗi người đi mỗi nơi chẳng ai được tin ai. Người nhà tôi bảo có lúc nghe chị Sáu chạy lên Sài Gòn, có lúc lại nghe chị Sáu lại quay về Đồng Tháp, vì thế mà tôi giữ mãi cây lược của cháu.

Tôi cầm cây lược nhìn ngắm, lòng thấy buồn.

Trong lúc đó tiếng máy vẫn nổ giòn, và tôi lại muốn nhìn rõ cô giao liên - người đang giữ sinh mạng của mình. Đêm không tối, cũng không sáng, nền trời tràn qua nhiều lớp mây mỏng, rải rác một vài chòm sao. Trời sáng mập mờ - Tôi chỉ nhìn thấy được dáng người của cô giao liên, gương mặt như hơi tròn và một đôi mắt, đôi mắt của người con gái thật khó tả. Chẳng hiểu có sao, từ ánh mắt ấy, tôi dần dần thấy một người quen, quen lắm. Tôi cố nhớ, nhớ không ra, tôi thấy mình lẫn lộn.

Bỗng có tiếng kêu thất thanh :

- Máy bay !

- Máy bay!

Xuông liền chòng chành, như có người định lao xuống, người nhón nháo và nhiều tiếng lao nhao lên :

- Táp vào !

- Đâu ?

- Đèn nó ở phía sau kia !

- Táp vào, tấp vào. Phản lực !

Cô giao liên cho máy nổ nhỏ dần, quay lại sau một lúc rồi bảo :

- Không phải đâu, sao trên trời đó mà.

Trong lúc mọi người đang lo, có người hốt hoảng, có người định nhảy thì giọng của cô bình tĩnh như vậy đó. Có người chưa thật tin, nhưng trước thái độ thản nhiên của cô, mọi người lại ngồi yên. "Sao trên trời đó mà", giọng nói nhỏ nhẹ và ngọt ngào. Và cô lại cho máy nổ to.

Sau mấy ngày đi bộ, được ngồi trên chiếc xuồng máy thật là thích thú. Nhưng nghĩ đến máy bay, tôi lại thấy phiền. Tiếng máy đuôi tôm nổ to quá như át cả tiếng máy bay. May mà gặp cô giao liên bình tĩnh, cô mà rồi chắc có người đã nhảy rồi, xuồng chắc cũng chìm mất. Tôi cố không nghĩ gì khác, tập trung lắng nghe tiếng máy bay.

Xuồng bắt đầu vào một quãng kinh trống, hai bên bờ không có một ngôi nhà, xa xa một chòm tre, một lùm cây, hai bên là cánh đồng hoang. Tôi sốt ruột muốn cho xuồng lao nhanh hơn. Hình như hiểu tâm trạng tôi, cô cho máy nổ to. Sóng trước mũi xuồng trào lên kéo thành những đợt sóng dài, làm run rẩy đám cỏ hai bên bờ, vỗ bập bênh các giề lục bình và các đám nghể mọc hoang.

Trong lúc mọi người đang yên tâm, đang thích thú ngồi trên chiếc xuồng lao nhanh thì cô giao liên tắt máy báo tin:

- Máy bay !

Cô vừa nói vừa tấp sát lại bụi tre. Chiếc xuồng sau cũng tấp lại. Rõ ràng là có tiếng máy bay, tiếng cánh quạt "lạch bạch" của đám trực thăng Mỹ. Tôi chẳng biết cái lỗ mũi của cô thính đến cỡ nào, còn cái tai của cô rõ là thính thật, tiếng máy bay lẫn trong tiếng máy đuôi tôm, thật khó nghe.

Xuồng chòng chành, có người chơi với muốn té:

- Nó còn xa lắm ! - Cô trấn tĩnh chúng tôi - Các bác, các chú bước lên phân tán mỏng, tìm núp vào chỗ kín. Nếu nó có soi tới các bác, các chú nhớ đừng động đậy - Trong lúc cô nói, anh em khách đã vọt lên bờ hết rồi. Tôi là người cuối cùng.

Tôi vừa bước lên thì cô bảo :

- Bác cứ ở đây đi. Xuồng ít người không sao !

Nếu một người nào khác bảo như vậy, tôi chắc không nghe. Trước thái độ của cô, ngồi cùng một chiếc xuồng với cô, tôi thấy vững tin hơn ngồi trong công sự.

Đám trực thăng Mỹ từ đầu kinh soi lần lần tới, tiếng động cơ của nó rầm rộ như hàng chục chiếc tàu thủy đang chạy. Ánh sáng ngọn đèn soi của nó một lúc một gần. Bọn Mỹ, bọn ngụy đó thường đi ba chiếc, một chiếc tìm người, tìm mục tiêu, còn hai chiếc soi đèn thì bắn.

- Lấy lá cây che kín, đừng động đậy nhé ! - Cô lại nhắc tôi.

Đó là lần đầu tiên tôi bị trực thăng soi, khi ngọn đèn của nó soi qua - cái thứ ánh sáng chói chang và tiếng cánh quạt đập trên đầu, tôi thấy xuồng mình rõ quá, tôi thấy cái be đài, thấy những lỗ trống của ba lô dưới lớp lá ngụy trang, thấy cỏ quận lên như trong một cơn lốc, tôi nghĩ : "Thôi chết rồi !" Tôi rút vai, thu mình cho nhỏ lại. Như đoán được tâm trạng của tôi, cô lại nhắc :

- Nó không thấy rõ mình như mình thấy mình đâu !

Lần này, lời cô nói với tôi không hiệu quả nữa. Phút chốc tôi lại muốn lao xuống nước. Nhưng tôi kịp trấn tĩnh.

Rồi cái ánh sáng ma quỷ ấy qua với tiếng động cơ rầm rộ mỗi lúc một xa. Đêm lại mờ dần đi. Tôi vẫn ngồi im vì còn lo nó quay trở lại. Cô giao liên nói như an ủi tôi :

- Nó làm coi dữ vậy, nhưng nó chẳng thấy cái gì đâu. Miễn là mình bình tĩnh, đừng động đậy - Đoạn cô nhìn ra cánh đồng, gọi anh em khách. Anh em có người ướt nhem, vừa thay quần áo, vừa chửi rửa. Xuồng lại nổ máy. Quá nửa đêm, đoàn chuyên lên đi bộ - Chúng tôi đi men theo bờ mầu, băng qua cánh đồng, bờ mầu chỗ bùn lầy, chỗ lồi lõm, chỗ nhầy nhụa, chúng tôi đi sát vào nhau và hầu như thay phiên nhau trượt té vậy - Người này đang lom khom ngồi dậy, người khác lại đánh "ạch" ngã xuống ruộng, chúng tôi, dếp cầm tay, mò mẫm đi từng bước, cứ thế mà đi. Gần đến bờ sông, giao liên cho chúng tôi dừng lại, phải trình sát đi bám đường.

Hai trinh sát đi khoảng hai mươi phút thì đụng biệt kích. Lần này bọn nó không nằm phục trong đám vườn dọc bờ kinh, nó chồm ra ngoài ruộng. Súng nổ tới tấp. Đạn rít veo veo qua đầu chúng tôi.

- Nằm xuống ? - Cô giao liên ra lệnh - Anh Tư dẫn khách đi, tôi ở lại.

Chẳng hiểu sao, lúc ấy tôi muốn kéo cô cùng đi. Qua giọng phân công của cô, tôi đoán cô là nhóm trưởng. Vừa nghe tiếng cô, nhìn lại cô đã vọt chạy đâu rồi. Đạn đan thành lưới rít qua đầu chúng tôi, rơi "chéo chéo" trên mặt ruộng, khiến chúng tôi phải nằm dấp người vào bờ mầu không sao ngóc đầu lên được.

Trong lúc đó, phía bên trái bỗng có nhiều tiếng "cacbin" nổ. Lập tức đường đạn bay về hướng đó. Tôi đoán biết, cô giao liên đang dẫn đường đạn bay về mình.

- Chạy ! - Anh Tư, người giao liên ra lệnh. Đoàn khách chúng tôi liền vọt lên. Tôi không phải là người dạn súng cho lắm, nhưng lúc đó, tôi không thấy lo cho mình nữa, tôi cứ nghĩ đến cô giao liên. Đoàn khách chúng tôi - không hàng ngũ, chạy bừa qua ruộng lúa, đâm thẳng ra ven cây, rồi vượt qua sông.

Tiếng súng mỗi lúc một dữ dội. Tôi cố gắng lắng nghe tiếng "cacbin" của cô, nhưng không tài nào nghe được, lòng cứ xốn xang.

Nhờ có tiếng súng biệt kích mà chúng tôi đến rừng cây làng rất sớm. Anh em bên kia trạm - trạm L.A, cũng vừa đến, không phải chờ lâu.

Đoàn tập hợp lại trong một đám dừa bị chất độc hóa học, tàu lá lơ thơ, trống trải. Đoàn khách còn đủ mặt, có một vài người bị mất dép, có người qua sông bị trôi ba lô. Còn tôi, già mà hầy còn cứng, tôi chả mất một món gì.

Ai cũng mệt mỏi, anh em giao liên cho chúng tôi nằm nghỉ đến sáng. Có người không cần phải mắc võng, cũng chẳng trải nilông, nằm vật xuống đất, lấy bông làm gối, ngáy pho pho. Còn tôi, vì nhiều nỗi, nên cứ lơ mơ. Tôi đang trên đường về tỉnh nhà. Làng nước đâu có còn như xưa nữa. Người ta bị dời nhà, bị dồn vào các trại tập trung, rồi người ta lại phá ra, cả vườn tược cũng thay đổi. Tôi nghe nói vậy, nhưng không thể hình dung ra được. Tôi cứ nhớ lại cảnh cũ. Nhớ những lần trở về, nhớ cảnh chia tay của cha con anh Sáu mà cây lược tôi hầy còn giữ đây. Trong khi nghĩ miên man, đôi lúc tôi chợt nhớ đến anh em ở lại chặn bọn biệt kích. Nhất là cô giao liên. Chẳng hiểu cô bé và anh em giao liên ra sao. Một quá rồi tôi cũng thiếp đi...

Nghe đâu đây có tiếng chân đi, tiếng người nói, tiếng cười đùa. Tôi chợt tỉnh dậy, thấy trời đã đậm mây ngang, màn đêm như vén dần ra cánh đồng. Tôi thấy một nhóm người, chẳng nghe nói họ nói gì, nhưng biết là họ đang kể lại những chuyện sôi nổi. Và tôi nhìn thấy cô giao liên, quần áo cô bùn đất bết bết và đầm ướt. Thế là họ về kịp rồi.

Tôi vừa đến họ cũng vừa chia tay ra. Bây giờ tôi mới nhìn rõ cô. Cô vừa chặn địch, vừa bước ra khỏi chỗ nguy hiểm mà mặt cứ phôi phôi. Mặc dù nước da cô bị rám nắng, tôi trông cô không quá hai mươi tuổi. Con gái hai mươi tuổi không thể có cặp mắt trong sáng như thế, và cô mới ngâm thơ làm sao, cô vẫn còn đeo bông tòn ten, cô đi dần về phía tôi, tôi bỗng muốn tỏ lòng mến phục của tôi đối với cô, cả lòng cảm ơn nữa. Nhưng chẳng lẽ lại nói như vậy, tôi mỉm cười chào cô và làm quen:

- Này cháu. Bác lo cho cháu quá! Cháu thứ mấy?

- Dạ, cháu thứ hai.

- Sao bác lại nghe có người kêu cháu là chị Út? Chắc là cháu đã có...

- Dạ không! - Cô giao liên chặn câu nói của tôi lại- Cháu vừa thứ hai vừa thứ út vì cháu là con một mà!

- Cháu là người ở làng nào mà sao bác thấy quen quen.

- Dạ cháu ở Cù Lao Giêng!

Nghe đến tên làng, tôi bỗng giật mình. Nhìn đôi mắt cô bé, ngực tôi bỗng phập phồng, và như có linh tính, tôi liền hỏi lại, hỏi dồn dập:

- Có phải Cù Lao Giêng, quận Chợ Mới, tỉnh Long Châu Sa không vậy cháu?

- Dạ phải.

- Cháu tên gì?

- Cháu tên Thu.

- Thu à? - Tôi lặp lại và kinh ngạc.

Tôi lặp bập hỏi tiếp:

- Có phải ba cháu là Sáu, má cháu là Bình phải không?

Cô bé kinh ngạc đến nỗi không nói được nữa, nó mở tròn mắt nhìn khắp người tôi. Trong lúc đó, anh em giao liên trạm L.A. kêu khách chuẩn bị lên đường. Nhưng rồi chẳng để ý cũng chẳng muốn nghe, tôi quay lại và bảo:

- Chờ tôi một chút.

Tôi quay lại cô bé. Cả hai người vẫn còn ngạc nhiên. Cô bé vẫn tròn mắt nhìn tôi, đúng, đúng, đúng là đôi mắt của con cháu. Tôi thâm nghĩ, và bảo:

- Có phải không cháu?

- Dạ... Sao bác biết?

Tôi cố nén xúc động nhưng cũng lặp bập nhắc lại:

- Bác là bác Ba đây này. Cháu có còn nhớ lúc ba cháu đi, ba cháu có hứa mua cho cháu cây lược không?

Cô cháu khe khẽ gật đầu: " Dạ nhớ, dạ nhớ".

Các bạn ạ! Trong kháng chiến có những cuộc gặp gỡ thật tình cờ! Tôi vừa nhìn cháu, vừa móc túi lấy ra cây lược.

- Ba cháu gởi cho cháu cây lược ngày này đây. Cây lược này do ba cháu làm.

Đôi mắt của cháu lại to tròn hơn, mặt xúc động đến thần thờ. Cháu đưa tay nhận lấy cây lược. Cây lược như đánh thức kỷ niệm ngày chia tay, ngực cháu phập phồng. Thấy cháu nhìn ngắm cây lược, tim tôi bỗng nhói đau. Tôi biết cháu đang bàng hoàng trước hạnh phúc bất ngờ, tôi không muốn làm gì xao động đến hạnh phúc của cháu, tôi thấy cần phải nói dối:

- Ba cháu vẫn khỏe, ba cháu không về được, nên gởi cho bác.

Cháu Thu liền chớp mắt nhìn tôi, môi mấp máy run run:

- Chắc là bác lầm, cây lược này không phải của ba cháu.

Tôi đâm ra thất vọng, hoang mang nữa, tôi hỏi lại:

- Ba cháu tên Sáu, má cháu tên Bình phải không?

- Dạ phải - Hình như cháu muốn khóc, mắt cháu đỏ hoe nhưng cố nén và nói:

- Nếu cháu không lầm thì chắc bác sợ cháu buồn nên bác nói giấu cháu. Cháu biết ba cháu đã chết rồi.- Cháu chớp mắt, hai giọt lệ ứa ra, vỡ tràn qua đôi mắt - Cháu chịu đựng được, bác đừng ngại, cháu nghe tin ba cháu chết đã hai năm rồi, sau đó thì cháu xin má cháu đi giao liên...

Cháu còn muốn nói gì nữa, nhưng giọng bị tắt nghẹn, đầu cúi nhìn xuống, mái tóc khẽ run run. Còn tôi, tôi lỡ nói dối, nên chẳng biết nói thế nào nữa, đành im lặng.

Trong khi đó, anh em trong đoàn táo tác gọi tôi, giục tôi đi. Không thể nán được nữa, tôi đành phải vội vàng hỏi xin cháu địa chỉ, hỏi thăm qua mẹ cháu và bà con.

Nỗi mừng gặp gỡ bất ngờ khiến tôi chưa biết bàng hoàng thì lại phải chia tay. Nhìn cháu tôi bỗng buột miệng nói :

- Thôi, ba đi nghe con !

Tôi không nghe cháu đáp lại, chỉ thấy đôi môi tái nhợt của cháu mấp máy.

Đi một quãng xa nhìn lại, tôi thấy cháu cố đi theo tôi một đoạn đường. Cháu dừng lại trên bờ mầu, những đợt sóng lúa xanh nhỏ nối nhau rập rờn như chạy đến vỗ về cháu. Sau lưng cháu là đám dừa bị chất độc hóa học mà tàu lá chỉ còn những cọng khô như những chiếc xương cá khổng lồ treo lủng lẳng, đợt non vừa mới đâm lên, xa trông như một rừng gương.

Lúc chia tay, tôi không nghe cháu gọi tôi là ba. Nhưng những lúc nằm một mình, nhớ lại thì tôi nghe tiếng gọi "ba" của cháu, và tiếng "ba" như vang lên từ trong tâm tôi.

Tháp Mười 23-9-1966